

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**.
2. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Hồ Tấn Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 299/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Trần Thị Hoàng O**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* **Trần Văn Đ**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Chị Trần Thị Hoàng O là nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị với anh Trần Văn Đ sống chung với nhau từ năm 2002. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/10/2004. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 2 năm 2018, thì chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh Đ thường xuyên đánh đập chị. Do bất đồng quan điểm

với nhau, chị và anh Đ không chung sống với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay, chị đã nhiều lần tìm cách để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Linh D, sinh ngày 14/12/2004 và Trần Văn Chí T, sinh ngày 22/7/2015, hiện các con đang sống với chị O. Khi ly hôn, chị O yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn là anh Trần Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nhưng, anh Đ không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Hoàng O có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Trần Văn Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Trần Văn Đ là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 6, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Trần Văn Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị O và anh Đ sống chung với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 20/10/2014. Xét thấy, hôn nhân giữa chị O và anh Đ là hợp pháp, chị O yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, cuộc sống hôn nhân của chị O và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Chị O và anh Đ không còn tình cảm như trước, sống với nhau không còn hòa thuận nên đã ly thân từ tháng 7/2018 cho đến

nay. Chị O đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm với anh Đ nhưng không thành. Anh Đ đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết được nội dung chị O yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án, nhưng anh Đ không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án, không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị O và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Linh D, sinh ngày 14/12/2004 và Trần Văn Chí T, sinh ngày 22/7/2015, hiện các con đang sống với chị O. Khi ly hôn, chị O yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện các con chung đang chung sống với chị O ổn định và tại Bản ghi ý kiến của cháu Trần Linh Dương thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Phía anh Đ không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, việc chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Trần Thị Hoàng O và anh Trần Văn Đ có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Trần Văn Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị O trình bày không có, anh Đ không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí: Chị O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hoàng O.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hoàng O được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Hoàng O được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Linh D, sinh ngày 14/12/2004 và Trần Văn Chí T, sinh ngày 22/7/2015.

Chị Trần Thị Hoàng O và anh Trần Văn Đ có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Đ được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị O trình bày không có, anh Đ không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Hoàng O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp theo Biên lai số BH/2017/0006687 ngày 10/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị O đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị O được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Huyện + Tỉnh;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi Cục THADS Huyện;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh

